

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2013	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch
Ông Phan Vũ Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chính	Phó Chủ tịch
Ông Hà Đức Cường	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phan Thị Minh Huyền	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Quang Tý	Q. Tổng Giám đốc
Ông Phan Vũ Tuấn	Giám Đốc điều hành

3. Các hoạt động chính

- Lưu ký chứng khoán;
- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013 được trình bày từ trang 4 đến trang 19.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.

Hội đồng Quản trị phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

PHAN VŨ TUẤN

P. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Số: 076/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013 được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 04 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo Báo cáo tài chính về vấn đề như được chú thích tại Mục VII.1 – trang 16 – Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong thời kỳ tài chính này, Công ty có các giao dịch liên quan đến hoạt động giao dịch ký quỹ. Hiện tại, Công ty đang thu hẹp dần các giao dịch liên quan đến hoạt động trên, đồng thời xin cấp phép hoạt động từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV Số: Đ.0111/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2013



PHAN ĐỨC DANH

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV Số: 2080/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		51.100.994.813	56.010.585.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	38.967.307.303	38.419.948.185
1. Tiền	111		38.967.307.303	36.419.948.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03	10.248.819.778	16.845.580.701
1. Phải thu khách hàng	131		455.504.733	4.008.008.000
2. Trả trước cho người bán	132		98.462.125	77.500.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.911.320	2.589.197
4. Các khoản phải thu khác	138		9.691.941.600	12.757.483.504
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	1.884.867.732	745.056.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		243.043.541	13.820.670
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69.897.379	58.871.656
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.571.926.812	672.363.812
B. Tài sản dài hạn	200		2.251.787.670	3.010.856.087
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.612.164.351	2.292.936.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	860.729.422	1.252.574.218
- Nguyên giá	222		2.243.445.078	2.616.539.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.382.715.656)	(1.363.964.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	751.434.929	1.040.362.455
- Nguyên giá	228		2.463.521.305	2.440.906.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.712.086.376)	(1.400.543.850)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.07	639.623.319	717.919.414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		330.307.088	441.626.201
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		188.072.231	155.049.213
3. Tài sản dài hạn khác	268		121.244.000	121.244.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.352.782.483	59.021.441.111

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		18.329.572.464	22.157.775.909
I. Nợ ngắn hạn	310	V.08	18.329.572.464	22.157.775.909
1. Phải trả người bán	312		187.785.000	128.070.000
2. Người mua trả tiền trước	313		25.000.000	2.232.300.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		280.542.353	65.320.383
4. Phải trả người lao động	315		9.401.800	369.912.480
5. Chi phí phải trả	316		236.492.789	2.574.544.020
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2.743.419.339	8.925.380.773
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		14.846.931.183	7.862.248.253
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.09	35.023.210.019	36.863.665.202
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.023.210.019	36.863.665.202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.000.000.000	56.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ)	420		(20.976.789.981)	(19.136.334.798)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.352.782.483	59.021.441.111

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	01/01/2013
6. Chứng khoán các loại	56.362.120.000	33.049.340.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	55.477.340.000	30.821.640.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	55.477.340.000	30.821.640.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	876.000.000	2.227.700.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	876.000.000	2.227.700.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	8.780.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	8.780.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Phạm Thị Phương Linh
Kế toán trưởng

Đặng Quang Tỷ
Q. Tổng Giám Đốc

TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu	01	VI.10	3.644.518.896	27.747.860.558
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		438.204.113	441.343.654
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.547.080.000	1.623.986.363
- Doanh thu khác	01.9		659.234.783	25.682.530.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		3.644.518.896	27.747.860.558
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.11	2.804.524.900	27.386.873.972
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		839.993.996	360.986.586
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.12	2.791.640.903	2.788.439.556
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	30		(1.951.646.907)	(2.427.452.970)
8. Thu nhập khác	31	VI.13	167.968.103	-
9. Chi phí khác	32	VI.14	56.776.379	737.744.513
10. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		111.191.724	(737.744.513)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	50		(1.840.455.183)	(3.165.197.483)
12. chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN/(lỗ)	60		(1.840.455.183)	(3.165.197.483)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.



Phạm Thị Phương Linh
Kế toán trưởng

Người lập biểu



Đặng Quang Tý
Q. Tổng Giám Đốc
TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(1.840.455.183)	(3.165.197.483)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	611.105.688	594.117.286
(Lãi) Lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(45.949.034)	-
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	(1.275.298.529)	(2.571.080.197)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	6.783.149.182	(920.931.865)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(3.828.203.445)	8.479.430.083
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(10.492.840)	705.937.609
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.130.000.000)	(16.064.061.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	539.154.368	(10.370.705.570)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng CB	21	(59.715.000)	(31.713.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	67.919.750	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	350.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.204.750	318.287.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	547.359.118	9.947.581.430
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.419.948.185	5.857.611.004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	38.967.307.303	15.805.192.434

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.



Người lập biểu

Phạm Thị Phương Linh
Kế toán trưởng

Đặng Quang Tỷ
Q. Tổng Giám Đốc
TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty CP được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP ngày 08/4/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 98/GPĐC-UBCK ngày 06/7/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó:

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy phép là: 56.000.000.000 đồng

Vốn pháp định của Công ty là: 35.000.000.000 đồng

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: ASIA SECURITIES CORPORATION; tên viết tắt là ASC

Trụ sở chính đặt tại: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lưu ký chứng khoán
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2013: 38 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư hướng dẫn số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính áp dụng cho các Công ty Chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Máy móc thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4 năm
Phần mềm vi tính	3 - 4 năm
Phần mềm hệ thống giao dịch	4 năm

6. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi hợp đồng tư vấn được hoàn thành.

Doanh thu khác

Doanh thu từ tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay vốn, doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán, doanh thu hợp tác đầu tư, ...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

12. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoại trừ thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2013	01/01/2013
Tiền mặt	63.981.158	22.096.302
Tiền gửi ngân hàng	38.099.686.806	28.979.055.110
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	803.639.339	7.418.796.773
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	38.967.307.303	38.419.948.185

2. Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
b) Của nhà đầu tư	19.988.655	216.775.323.000
- Cổ phiếu	19.988.655	216.775.323.000
Tổng cộng	19.988.655	216.775.323.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	455.504.733	4.008.008.000
Trả trước cho người bán	98.462.125	77.500.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.911.320	2.589.197
Phải thu khác (*)	9.691.941.600	12.757.483.504
Cộng	10.248.819.778	16.845.580.701
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	10.248.819.778	16.845.580.701
 (*) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Phải thu Bà Nguyễn Diệu Uyên	1.500.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt liên quan đến khoản chi hộ	1.376.081.539	2.085.754.689
Phải thu Văn phòng Công chứng liên quan đến khoản chi hộ	-	1.712.529.750
Phải thu từ hoạt động margin, ứng trước tiền bán chứng khoán	6.760.570.061	8.947.199.065
Phải thu khác	55.290.000	12.000.000
Cộng	9.691.941.600	12.757.483.504

Chi tiết tăng giảm các khoản phải thu

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/6/2013	Số dự phòng đã lập
Phải thu khách hàng	4.008.008.000	786.552.913	4.339.056.180	455.504.733	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.589.197	344.945.659	344.623.536	2.911.320	-
Phải thu khác	12.757.483.504	106.632.892.466	109.698.434.370	9.691.941.600	-
Tổng cộng	16.768.080.701	107.764.391.038	114.382.114.086	10.150.357.653	-

4. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	243.043.541	13.820.670
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	69.897.379	58.871.656
Tạm ứng	441.926.812	672.363.812
Đặt cọc cho các hợp đồng tư vấn	1.130.000.000	-
Cộng	1.884.867.732	745.056.138

(*) Chủ yếu bao gồm các chi phí trả trước, chờ phân bổ như: chi phí bảo hiểm, chi phí thành viên giao dịch, chi phí sử dụng thiết bị đầu cuối,...

5. Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	1.074.228.424	755.094.200	787.216.434	2.616.539.058
Giảm	-	-	373.093.980	373.093.980
Số dư cuối kỳ	1.074.228.424	755.094.200	414.122.454	2.243.445.078

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	619.550.792	267.429.210	476.984.838	1.363.964.840
Tăng	134.278.680	47.193.390	89.912.220	271.384.290
Giảm	-	-	252.633.474	252.633.474
Số dư cuối kỳ	753.829.472	314.622.600	314.263.584	1.382.715.656
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	454.677.632	487.664.990	310.231.596	1.252.574.218
Số dư cuối kỳ	320.398.952	440.471.600	99.858.870	860.729.422

Tài sản cố định hữu hình giảm do thanh lý, nhượng bán là 67.919.750 đồng,

Và do phân loại sang công cụ dụng cụ là 305.174.230 đồng.

6. Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính và phần mềm hệ thống giao dịch)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	2.440.906.305	59.715.000	37.100.000	2.463.521.305
Hao mòn lũy kế	1.400.543.850	339.721.398	28.178.872	1.712.086.376
Giá trị còn lại	1.040.362.455			751.434.929

Tài sản cố định vô hình tăng do cài đặt mới; giảm do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

7. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước dài hạn	(7.1) 330.307.088	441.626.201
Chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	(7.2) 188.072.231	155.049.213
Tài sản dài hạn khác	(7.3) 121.244.000	121.244.000
Cộng	639.623.319	717.919.414
(7.1) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	279.857.699	285.897.408
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ và chi phí chờ phân bổ khác	50.449.389	155.728.793
Cộng	330.307.088	441.626.201
(7.2) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Quỹ hỗ trợ thanh toán đầu năm	155.049.213	137.247.335
Nộp bổ sung trong kỳ	33.023.018	2.544.295
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	-	15.257.583
Cộng	188.072.231	155.049.213
(7.3) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Khoản ký quỹ sử dụng thẻ taxi Mai Linh.	10.000.000	10.000.000
Khoản đặt cọc tiền thuê Văn phòng tại tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, TP HCM.	111.244.000	111.244.000
Cộng	121.244.000	121.244.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

8. Nợ ngắn hạn		30/6/2013	01/01/2013
Phải trả cho người bán		187.785.000	128.070.000
Người mua trả tiền trước		25.000.000	2.232.300.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(8.1)	280.542.353	65.320.383
Phải trả người lao động		9.401.800	369.912.480
Chi phí phải trả (Chi phí điện, internet, hoa hồng môi giới,...)		236.492.789	2.574.544.020
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(8.2)	2.743.419.339	8.925.380.773
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(8.3)	14.846.931.183	7.862.248.253
Cộng		18.329.572.464	22.157.775.909
 (8.1) Bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Thuế TNCN phải nộp		55.542.353	65.320.383
Thuế GTGT phải nộp (chưa xuất hóa đơn)		225.000.000	-
Cộng		280.542.353	65.320.383
 (8.2) Bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Phải trả giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư		803.639.339	7.418.796.773
Phải trả tiền giao dịch thanh toán bù trừ sau ngày T+3		1.939.780.000	1.506.584.000
Cộng		2.743.419.339	8.925.380.773
 (8.3) Bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công Đoàn		38.402.387	27.801.387
Phải trả khác	(*)	14.808.528.796	7.834.446.866
Cộng		14.846.931.183	7.862.248.253
 (*) Bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Phải trả liên quan đến hợp đồng môi giới, tư vấn và hợp tác kinh doanh		8.700.000.000	7.200.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ		1.330.000.000	450.000.000
Phải trả khoản tiền mượn Cty CP ĐT TM & DV Hoàn Lộc Việt		4.239.011.110	-
Phải trả Công ty CP Mua bán nợ Miền Nam liên quan đến khoản chuyển dư		327.200.820	-
Phải trả khác		212.316.866	184.446.866
Cộng		14.808.528.796	7.834.446.866

9. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.000.000.000	-	-	56.000.000.000
Lỗ lũy kế	(19.136.334.798)	(1.840.455.183)	-	(20.976.789.981)
Cộng	36.863.665.202	(1.840.455.183)	-	35.023.210.019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Chi tiết vốn đầu tư CSH	Theo giấy phép thành lập		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2013		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số lượng cp	Giá trị
Cổ đông sáng lập					
Công ty TNHH Dịch vụ Kinh doanh Giải Pháp	900.000	25,00%			
Bà Đỗ Thị Bích Huệ	180.000	5,00%	3,21%	180.000	1.800.000.000
Ông Đỗ Hoàng Chương	720.000	20,00%	-	-	-
Và các cổ đông khác	1.800.000	50,00%	-	-	-
Ông Phan Minh Hoàn			65,29%	3.656.000	36.560.000.000
Ông Phan Vũ Tuấn			3,21%	180.000	1.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hương			6,43%	360.000	3.600.000.000
Công ty CP ĐT TM và DV Hoàn Lộc Việt			21,86%	1.224.000	12.240.000.000
Cộng	3.600.000	100%	100%	5.600.000	56.000.000.000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

10. Doanh thu

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	438.204.113	441.343.654
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.547.080.000	1.623.986.363
Doanh thu khác (*)	659.234.783	25.682.530.541
Cộng	3.644.518.896	27.747.860.558
<i>(*) Bao gồm:</i>		
Doanh thu hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo	-	25.176.326.668
Doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, margin	652.545.487	408.268.553
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá,...	6.689.296	97.935.320
Cộng	659.234.783	25.682.530.541

11. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
Chi phí lương nhân viên	1.022.716.500	1.391.687.504
Chi phí hoạt động môi giới	177.963.829	216.998.628
Chi phí hoạt động tư vấn	647.121.500	1.360.345.454
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	35.911.924	14.596.158
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	420.153.774	397.162.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.148.187	375.340.697
Chi phí bù đắp cơ hội do không thực hiện hợp đồng	-	22.554.666.667
Chi phí môi giới liên quan đến việc hợp tác đầu tư	-	803.889.000
Chi phí khác	143.509.186	272.187.774
Cộng	2.804.524.900	27.386.873.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)*

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
12. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	950.608.500	974.812.860
Chi phí vật liệu quản lý	87.669.615	70.173.768
Chi phí dụng cụ văn phòng	69.025.994	90.048.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	200.262.775	202.884.142
Thuế, phí và lệ phí	8.410.500	7.111.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.242.184	1.244.464.996
Chi phí bằng tiền khác	253.421.335	198.944.296
Cộng	2.791.640.903	2.788.439.556
13. Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	167.968.103	-
14. Chi phí khác		
Chi phí thành lập doanh nghiệp phân bổ trong năm	-	720.952.000
Giá trị còn lại của TSCĐ, CCDC thanh lý, nhượng bán	56.776.379	-
Chi phí khác	-	16.792.513
Cộng	56.776.379	737.744.513

VII. Thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty có các giao dịch liên quan đến hoạt động giao dịch ký quỹ. Hiện tại, Công ty đang thu hẹp dần các giao dịch liên quan đến hoạt động trên, đồng thời xin cấp phép hoạt động từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ KH	Tư vấn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013				
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	1.090.749.600	2.547.080.000	6.689.296	3.644.518.896
2. Chi phí trực tiếp	1.305.763.093	1.665.427.807	(166.666.000)	2.804.524.900
3. Chi phí phân bổ	835.496.066	1.951.020.947	5.123.890	2.791.640.903
4. Lợi nhuận khác	-	-	111.191.724	111.191.724
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(1.050.509.559)	(1.069.368.754)	279.423.130	(1.840.455.183)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

	Môi giới và dịch vụ KH	Tư vấn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Ngày 30 tháng 6 năm 2013				
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	19.423.177.062	646.324.032	32.648.819.798	52.718.320.892
2. Tài sản bộ phận phân bổ	215.246.559	418.137.293	1.077.740	634.461.591
3. Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	19.638.423.621	1.064.461.325	32.649.897.538	53.352.782.483
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.722.602.198	34.516.750	1.456.048.420	13.213.167.368
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	27.988.920	283.525.800	4.804.890.376	5.116.405.096
3. Nợ phải trả bộ phận không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	11.750.591.118	318.042.550	6.260.938.796	18.329.572.464

VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Rủi ro thị trường

1.1 Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam.

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty không chịu bất kỳ một khoản rủi ro tiền tệ liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

1.2 Rủi ro giá

Công ty không có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty nên Công ty không chịu bất kỳ rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư nào.

1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	Tại ngày 30/6/2013
Phải thu khác (có lãi suất)	1.500.000.000
Tổng	1.500.000.000

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 30.000.000 đồng (A).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Nợ phải trả có lãi suất	Tại ngày 30/6/2013
Các khoản phải trả khác có lãi suất	8.700.000.000
Tổng	8.700.000.000

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 174.000.000 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (144.000.000) đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty chưa lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 10.150.357.653 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản thiếu chờ xử lý được xác định là có suy giảm giá trị: không có.

Dự phòng giảm giá trị

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty không có bất kỳ một khoản phải thu nào khó đòi liên quan đến việc suy giảm giá trị nào liên quan đến các khoản phải thu tồn đọng lâu năm hay đang kiện tụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	Không kỳ hạn	Từ 01 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.743.419.339	-	-	2.743.419.339
Các khoản phải trả khác	-	15.561.153.125	-	15.561.153.125
Tổng cộng	2.743.419.339	15.561.153.125	-	18.304.572.464

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tính đến thời điểm 30/6/2013, Công ty không cầm cố, thế chấp bằng bất kỳ một tài sản nào của Công ty.

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Người lập biểu

Phạm Thị Phương Linh
Kế toán trưởng

Đặng Quang Tý
Q. Tổng Giám Đốc
TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013